TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 12 - 2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Minh Chánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.

2. Ông Nguyễn Văn Thơi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Huỳnh Anh Thư Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1999.

Địa chỉ cư trú: Ấp Long Bình 1, xã Long Phú, thị xã L M, tỉnh HG.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí N (tên thường gọi Bé), sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện LM, tỉnh HG

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim B (gọi tắt chị B) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh N do quen biết với nhau vào năm 2014 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn do lúc đó chị B chưa đủ tuổi kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 12 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng sống tính tình không hợp với nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị B và anh N ly thân từ năm 2017 cho đến nay, chị B quyết định ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung, tên Nguyễn Thị Kim T (nữ) sinh ngày 08/11/2015. Hiện cháu Kim T đang sống chung với chị B.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Chí N (gọi tắt anh N) trình bày: Anh N đồng ý ly hôn với chị B, về con chung anh N đồng ý để cho chị B tiếp tục nuôi Nguyễn Thị Kim T, nhưng anh N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị B không nuôi cháu T được thì giao lại cho anh nuôi. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Chí N đồng ý ly hôn với chị B, tài sản chung và nợ không có nên không có yêu cầu giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Kim T hiện đang sống với chị B, anh N đồng ý để cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Việc chị B yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi cháu T anh Nguyện không đồng ý, nếu chị B nuôi cháu T không được thì giao cho anh N nuôi cháu T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Kim B khẳng định không còn tình cảm với anh Nguyễn Chí N, cương quyết yêu cầu ly hôn với anh N. Do chị B và anh N chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B và tuyên

bố không công nhận chị Nguyễn Thị Kim B và anh Nguyễn Chí N là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Chị B và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim T (giới tính: nữ). Hiện nay cháu T đang chung sống với chị B, chị B được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Kim T.

- Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Chí N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thư theo quy định pháp luật, mỗi tháng cấp 01 lần là 745.000 đồng đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh N khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim B và anh Nguyễn Chí N phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng". Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Về nội dung vụ án:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Đối với quan hệ hôn nhân, chị B và anh N quen biết nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, nhưng chị B và anh N không có đăng ký kết hôn theo quy định. Chị B và anh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống chị B và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị B cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh N không thể hàn gắn, chị B không còn tình cảm đối với anh N và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị B và anh N, thì: Vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, mâu thuẫn bên trong của vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm rõ, chỉ thấy vợ chồng không còn sống chung một nhà, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống gia đình. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và hiện tại anh chị đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, thời gian ly thân kéo dài nhưng anh chị không thể tự hàn gắn. Trong quá trình giải

quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng chị B và anh N quyết định ly hôn. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh N thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị B và anh N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị B yêu cầu xin ly hôn với anh N là phù hợp theo khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, chị B vẫn cương quyết xin ly hôn với anh N. Xét thấy chị B và anh N hai người chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ là vợ chồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B tuyên bố không công nhận chị B và anh N là vợ chồng.

[2]. *Về con chung:* Chị B và anh N thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim T (giới tính: nữ), sinh ngày 08/11/2015. Hiện cháu T đang sống chung với chị B, khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi cháu Kim T và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, anh N đồng ý cho chị B tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Kim T, nhưng anh N không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T.

Xét thấy, từ khi chị B và anh N ly thân cho đến nay, cháu T sống chung với chị B, được chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên xét thấy cháu T là giới tính nữ, hơn nữa cháu T cũng có nguyện vọng sống với chị B, theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: " Nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...". Do đó, để tạo thuận lợi cho việc chăm sóc, giáo dục con chung, để đảm bảo lợi ích, sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu T nên Hội đồng xét xử thống nhất cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim T.

Về yêu cầu cấp dưỡng của chị B: Căn cứ tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con."*. Do đó, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị B là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Kim T (giới tính: nữ), sinh ngày 08/11/2015 mỗi tháng 745.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/12/2022).

[3]. *Về tài sản chung:* Chị B và anh N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về nợ chung:* Chị B và anh N khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Buộc bị đơn anh Nguyễn Chí N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 9, 15, 51, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim B đối với bị đơn Nguyễn Chí N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim B và anh Nguyễn Chí N.

2. Về con chung: Cho chị Nguyễn Thị Kim B được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Kim T (giới tính: nữ) sinh ngày 08/11/2015. Hiện cháu T đang sống chung với chị B. Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Chí N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Kim T (giới tính: nữ) sinh ngày 08/11/2015 mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/12/2022).

Anh Nguyễn Chí N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị B và anh N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị B và anh N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim B phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo lai thu số 0006493 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5.2. Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Chí N phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/12/2022).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Minh Chánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Thuận Hoà;
- UBND xã Long Phú, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;
- Lưu HS.